Mẫu số 52 (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19-11-2019
V/v "*Ly hôn*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Võ Xuân Sơn

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Tôn Thất Hưng

2. Ông Nguyễn Thanh Bình

**** Thư ký ghi biên bản phiên tòa***: Ông Đặng Quang Tuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà:*** Ông Cao Kỷ Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 286/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 về "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Ngọc Y, sinh năm: 1988

Địa chỉ: Số nhà 303, Ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Số điện thoại: 0938.537039.

- *Bị đơn*: Anh Lại Ngọc D, sinh năm: 1975

Địa chỉ: Số nhà 08, Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Số điện thoại: 0933.006964.

(Chị Y có mặt, anh D xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ và phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc Y trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh D tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 77/2015, quyển số 01/2013 ngày 26/11/2015. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình nhau; Anh D không chịu làm ăn, không phụ giúp chị về kinh tế gia đình. Từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Anh chị đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành mà còn làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt hơn. Chị và anh D đã ly thân từ tháng 01/2019 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, thời gian đầu anh chị còn liên lạc điện thoại với nhau nhưng sau đó không liên lạc, quan tâm đến nhau nữa. Mâu thuẫn của anh chị chưa được chính quyền địa phương hòa giải. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn xin ly hôn với anh D.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bản tự khai có tại hồ sơ, bị đơn anh Lại Ngọc D trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Ngọc Y quen biết và tự nguyện tìm hiểu nhau từ năm 2013. Sau thời gian tìm hiểu anh chị tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 77 quyển số 01/2013 ngày 26/11/2015. Việc kết hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và nhận thức xã hội, cộng tính tình không hợp nhau nên cãi vã nhau. Từ nhiều lần cãi nhau như thế nên anh chị chán nản và đã ly thân nhau từ tháng 01/2019 cho đến nay. Trong thời gian ly thân thời gian đầu anh chị còn gọi điện thoại hỏi thăm nhau, bàn bạc để về chung sống lại với nhau nhưng không có kết quả. Anh chị tiếp tục gọi điện thoại cho nhau được một thời gian ngắn lại tiếp tục cãi nhau nên sau đó ít liên lạc với nhau và cứ thế thưa dần. Sau đó thì anh chị mạnh ai nấy sống, không quan tâm, chăm sóc gì cho nhau. Nay chị Trần Thị Ngọc Y xin ly hôn thì anh đồng ý.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tại phiên tòa sơ thẩm*:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định là đúng và đầy đủ;

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền;

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định;

+ Về thu thập chứng cứ: Tòa án thu thập chứng cứ đầu đủ và đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự: Chấp hành và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh D đã có mâu thuẫn trầm trọng, chị Y không còn tình cảm với anh D. Đề nghị cho chị Y được ly hôn với anh D. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên đề nghị không giải quyết. Chị Y phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên toà sơ thẩm, chị Trần Thị Ngọc Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; anh Lại Ngọc D xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết theo quy định.

[2]. Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị Ngọc Y khởi kiện về việc ly hôn với anh Lại Ngọc D, nơi cư trú: Số nhà 8, Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị Trần Thị Ngọc Y là nguyên đơn, anh Lại Ngọc D là bị đơn; quan hệ pháp luật là "*Ly hôn*" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc Y và anh Lại Ngọc D kết hôn với nhau năm 2015, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được UBND xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 77/2015 quyển số 01/2013 ngày 26/11/2015 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Y và anh D là có thật, đã trầm trọng và kéo dài, thể hiện: Chị Y và anh D đều thừa nhận, mâu thuẫn của anh chị phát sinh do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, anh chị đã nhiều lần hòa giải, hàn gắn nhưng không có kết quả. Anh chị đã ly thân từ tháng 01/2019 cho đến nay; Lời thừa nhận của chị Y, anh D cũng phù hợp với kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần mời chị Y, anh D đến Tòa án để làm việc, hòa giải nhưng chị Y vẫn kiên quyết ly hôn, anh D đồng ý, nên ghi nhận. Trên cơ sở đó cho chị Trần Thị Ngọc Y được ly hôn với anh Lại Ngọc D.

[4]. Về con chung: Chị Y và anh D xác định không có, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Y và anh D không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tiểu mục 1.1, mục 1, chương I, phần A của Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, chị Trần Thị Ngọc Y phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp

theo biên lai thu số 0001909 ngày 21/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị Y đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 48, 68, 147, 220, 266, 271, 273, 278 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 85, 87, 88, 89, 91 và Điều 92 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các Điều 51, 53, 56, 57 và 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tiểu mục 1.1, mục 1, chương I, phần A của Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc Y được ly hôn anh Lại Ngọc D.

[2]. Về con chung: Chị Y và anh D xác định không có, đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc Y phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001909 ngày 21/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị Y đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Ngọc Y được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Lại Ngọc D được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự (02);
- TAND tỉnh Đồng Nai (01);
- VKSND huyện Vĩnh Cửu (02);
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu (01);
- UBND xã Bình Lợi, huyện Vĩnh Cửu (01);
- Lưu hồ sơ, VP (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà
(đã ký)

Võ Xuân Sơn